

Bản án số: 10/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 18-01-2024
V/v: Tranh chấp “Ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TUY HÒA - TỈNH PHÚ YÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Lê Mai

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Huỳnh Khắc Hiếu và bà Đào Thị Ngâm.

- Thư ký phiên tòa: Ông Thái Đức Duy – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Hưng – Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 01 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 371/2023/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 10 năm 2023, về tranh chấp “Ly hôn”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 196/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 27/12/2023 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà **Trần Thị D**, sinh năm: 1989;

Địa chỉ: **khu phố L, xã B, thành phố T, Phú Yên.**

2. *Bị đơn:* Ông **Lưu Ngọc T**, sinh năm: 1982;

HKTT: 203 **N, Phường E, thành phố T, Phú Yên;**

Hiện ở: **khu phố L, xã B, thành phố T, Phú Yên.**

Các đương sự đều có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn xin ly hôn và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà **Trần Thị D** trình bày: Về quan hệ hôn nhân: Tôi (**D**) và ông **Lưu Ngọc T** tự nguyện tìm hiểu và đi đến kết hôn, có đăng ký kết hôn tại **UBND phường H1, thành phố T** vào năm 2012. Vợ chồng hạnh phúc một thời gian thì đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn, tôi cũng đã làm đơn nhiều lần gửi đến

Tòa nhưng đã tự rút đơn. Đến năm 2022, vợ chồng tiếp tục phát sinh mâu thuẫn trầm trọng, nguyên nhân do bất đồng quan điểm, thường xuyên, cãi vã và chồng dùng những lời lẽ thiếu tôn trọng đối phương. Vào tháng 02/2023, tôi đã nộp đơn xin ly hôn tại Tòa nhưng sau đó tôi suy nghĩ lại nên đã làm đơn xin rút đơn; nhưng về cuộc sống vợ chồng vẫn không khắc phục được mâu thuẫn. Hiện chúng tôi đã sống ly thân từ tháng 7/2023. Nay thấy không thể tiếp tục chung sống được nữa nên tôi làm đơn, kiên quyết xin được ly hôn với anh **T**. Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng có 02 con chung là **Lưu Trần Nhã U**, sinh ngày 30/7/2014 và **Lưu Trần Gia H**, sinh ngày 17/9/2016; hiện 02 con đang sống cùng tôi. Ly hôn, chúng tôi thống nhất thỏa thuận, tôi trực tiếp nuôi con chung là **Lưu Trần Gia H**, còn anh **T** trực tiếp nuôi con **Lưu Trần Nhã U**, không ai phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung: Chúng tôi tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa giải quyết.

* Bị đơn ông **Lưu Ngọc T** trình bày: Về quan hệ hôn nhân: Tôi (**T**) và bà **Trần Thị D** tự nguyện tìm hiểu và đi đến kết hôn, có đăng ký kết hôn tại **UBND phường H1, thành phố T** vào năm 2012. Vợ chồng cũng không có mâu thuẫn gì lớn nhưng cũng bất đồng quan điểm, cãi vã nhau và tôi có dùng lời lẽ nặng lời xúc phạm đến vợ; nhưng tôi vẫn còn thương vợ thương con nên tôi không đồng ý ly hôn. Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng có 02 con chung là **Lưu Trần Nhã U**, sinh ngày 30/7/2014 và **Lưu Trần Gia H**, sinh ngày 17/9/2016; hiện 02 con đang sống cùng mẹ. Nếu Tòa giải quyết ly hôn, chúng tôi thống nhất thỏa thuận, tôi trực tiếp nuôi con chung là **Lưu Trần Nhã U**, còn chị **D** trực tiếp nuôi con **Lưu Trần Gia H**, không ai phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung: Chúng tôi tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa giải quyết.

Tòa án nhân dân thành phố Tuy Hòa đã tiến hành hòa giải nhưng không thành.

* Tại phiên tòa:

Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, xin được ly hôn với bị đơn. Về con chung, hai bên thỏa thuận bà trực tiếp nuôi con chung là **Lưu Trần Gia H**, còn ông **T** trực tiếp nuôi con chung **Lưu Trần Nhã U**, không ai phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn giữ nguyên ý kiến đã trình bày, không đồng ý ly hôn theo yêu cầu của nguyên đơn. Về con chung, nếu ly hôn hai bên thỏa thuận ông trực tiếp nuôi con **Lưu Trần Nhã U**, còn bà **D** nuôi con **Lưu Trần Gia H**, không ai phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, không yêu cầu giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tuy Hòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và nguyên đơn, bị đơn trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định pháp luật. Về việc giải quyết vụ án: đề nghị HĐXX áp dụng Điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, bà **Trần Thị D** được ly hôn ông **Lưu Ngọc T**, giao con chung **Lưu Trần Nhã U** cho ông **T** trực tiếp nuôi dưỡng; giao con chung là **Lưu Trần Gia H** cho bà **D** trực tiếp nuôi dưỡng; không

ai phải cấp dưỡng nuôi con; về tài sản chung: không yêu cầu nên không xét. Về án phí: nguyên đơn phải chịu theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Xét nội dung yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[2] Về quan hệ hôn nhân: Nguyên đơn bà **Trần Thị D** và bị đơn ông **Lưu Ngọc T** tự nguyện tìm hiểu và đi đến kết hôn, có đăng ký kết hôn tại **UBND phường H1, thành phố T** vào năm 2012, là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc một thời gian, đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn như các bên trình bày. Vào tháng 02/2023, nguyên đơn đã làm đơn ra Tòa xin ly hôn với bị đơn nhưng đến tháng 6/2023 đã rút đơn và Tòa án nhân dân thành phố Tuy Hòa đã ra Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án số 40/2023/QĐST-HNGĐ ngày 07/6/2023; nhưng sau khi về tiếp tục chung sống mâu thuẫn vẫn không khắc phục được. Nay thấy tình cảm không còn, vợ chồng không thể tiếp tục chung sống được nữa nên nguyên đơn làm đơn kiên quyết xin được ly hôn với bị đơn. Xét thấy: Nguyên đơn, bị đơn đã không còn sống chung với nhau từ tháng 07/2023 cho đến nay, vợ chồng không còn quan tâm, chăm sóc nhau, là vi phạm nghĩa vụ vợ chồng, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Mặc dù, bị đơn không đồng ý ly hôn theo yêu cầu của nguyên đơn, nhưng không đưa ra được phương án khắc phục mâu thuẫn, nguyên đơn cũng không đồng ý đoàn tụ. Thấy rằng, nguyên đơn đã từng làm đơn ra Tòa xin được ly hôn với bị đơn, mâu thuẫn vợ chồng đã kéo dài nhiều năm và đã đến mức trầm trọng, nếu tiếp tục cuộc sống hôn nhân sẽ không hạnh phúc và không đạt được mục đích nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn được ly hôn với bị đơn.

[3] Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng có 02 con chung là **Lưu Trần Nhã U**, sinh ngày 30/7/2014 và **Lưu Trần Gia H**, sinh ngày 17/9/2016; hiện 02 con đang sống cùng nguyên đơn. Ly hôn, nguyên đơn và bị đơn thống nhất thỏa thuận, giao con chung là **Lưu Trần Gia H** cho nguyên đơn trực tiếp nuôi dưỡng; giao con chung là **Lưu Trần Nhã U** cho bị đơn trực tiếp nuôi dưỡng, không ai phải cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy, sự thỏa thuận của hai bên là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định pháp luật và nguyện vọng của con trên 07 tuổi nên ghi nhận: Giao con chung là **Lưu Trần Nhã U** cho ông **Lưu Ngọc T** trực tiếp nuôi dưỡng; Giao con chung là **Lưu Trần Gia H** cho bà **Trần Thị D** trực tiếp nuôi dưỡng; không ai phải cấp dưỡng nuôi con. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

[4] Về tài sản chung: Các bên không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[5] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà **Trần Thị D.**

- Về quan hệ hôn nhân: Bà **Trần Thị D** được ly hôn ông **Lưu Ngọc T.**
- Về con chung: Giao con chung là **Lưu Trần Nhã U**, sinh ngày 30/7/2014 cho ông **Lưu Ngọc T** trực tiếp nuôi dưỡng; Giao con chung là **Lưu Trần Gia H**, sinh ngày 17/9/2016 cho bà **Trần Thị D** trực tiếp nuôi dưỡng. Bà **Trần Thị D** và ông **Lưu Ngọc T** không phải cấp dưỡng nuôi con và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

- Về tài sản chung: Không yêu cầu nên không xem xét.

Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 26, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Nguyên đơn bà **Trần Thị D** phải chịu 300.000 đồng án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm, nhưng được trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Biên lai thu số 0012507 ngày 28/9/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Tuy Hòa.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Phú Yên;
- Viện KSND thành phố Tuy Hòa;
- Chi cục THADS thành phố Tuy Hòa;
- Các đương sự;
- UBND phường 8, Tuy Hòa;
- (Giấy CNKH số 25 ngày 07/5/2012)
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Lê Mai

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đào Thị Ngâm

Huỳnh Khắc Hiếu

Trần Lê Mai

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

